



shén lì

神力

noun · divine power

Example Sentences

Tā xiāng xìn shén lì néng bāng zhù tā dù guò nán guān
他相信神力能帮助他渡过难关

He believes that divine power can help him through difficulties.

Shén huà gù shì lǐ yīng xióng cháng cháng jiè zhù shén lì zhàn shèng dí rén
神话故事里，英雄常常借助神力战胜敌人。

In myths, heroes often use divine power to defeat enemies.

Trace each character, then write the word on your own.

神 神 神 神 神 神 神 神 神 神 神

神

力 力 力 力 力